

Số: 27/QĐ-FTS

Hà Nội, ngày 21 tháng 09 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp
Ngành/nghe: Tạo mẫu và chăm sóc sắc đẹp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG CẤP NGOẠI THƯƠNG

Căn cứ Luật giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13;

Căn cứ Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ Quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 03 năm 2017 của Bộ Lao động TBXH quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định, chỉnh sửa, bổ sung chương trình, giáo trình đào tạo trình độ Trung cấp, ngành/nghe: Tạo mẫu và chăm sóc sắc đẹp.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp ngành/nghe: Tạo mẫu và chăm sóc sắc đẹp. Chương trình được áp dụng giảng dạy tại Trường Trung cấp Ngoại thương.

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Phòng Đào tạo, các Phòng, Khoa và các đơn vị, cá nhân có liên quan của Nhà trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

ThS. Ngô Văn Cường

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 27/QĐ-FTS ngày 21 tháng 04 năm 2023

của Hiệu trưởng trường Trung cấp Ngoại thương)

Tên ngành/ nghề: Tạo mẫu và chăm sóc sắc đẹp

Mã ngành: 5810402

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học cơ sở hoặc tương đương;

Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển dựa trên kết quả học bạ THCS.

Thời gian đào tạo: (năm học)

- Thời gian đào tạo: 02 năm (20 tháng)

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung

Sau khi kết thúc khóa học, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp trung cấp hệ chính quy – ngành Tạo mẫu và chăm sóc sắc đẹp. Đồng thời, với những kiến thức đã được trang bị, học sinh có đủ điều kiện để tham gia các lớp học nâng cao trình độ để nhận những văn bằng, chứng chỉ bậc cao hơn và đạt chuẩn quốc tế về chăm sóc sắc đẹp.

1.2 Mục tiêu cụ thể

Sau khi học xong chương trình người học có khả năng:

a. Về kiến thức:

- Mô tả được vị trí, vai trò của nghề Chăm sóc sắc đẹp và đặc trưng của hoạt động Chăm sóc sắc đẹp;
- Mô tả được hoạt động của các nhiệm vụ trong dịch vụ làm đẹp, mối quan hệ giữa các dịch vụ làm đẹp trong các spa, salon;

- Trình bày được các quy trình kỹ thuật cơ bản của Chăm sóc sắc đẹp: Chăm sóc da, chăm sóc móng, trang điểm, chăm sóc khách hàng, chăm sóc chuyên sâu về da, quy trình massage bấm huyệt và các dịch vụ khác;

- Tiếp nhận, hiểu rõ các yêu cầu phản hồi của khách hàng về dịch vụ;

- Liệt kê được các loại trang thiết bị, dụng cụ, mỹ phẩm chủ yếu của các kỹ thuật trong cơ sở chăm sóc sắc đẹp và giải thích công dụng của chúng;

- Trình bày được các nguyên tắc bảo đảm an ninh, an toàn, giải thích được lý do phải tuân thủ các quy định về an ninh, an toàn trong Cơ sở làm đẹp để nhận diện được các nguy cơ và biện pháp phòng ngừa;

- Trình bày được các tiêu chuẩn 5S tại nơi làm việc;

- Mô tả quy trình vận hành kết nối mạng tại cơ sở làm việc;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

b. Về kỹ năng:

- Phục vụ được khách hàng tại các vị trí công việc của các dịch vụ chăm sóc da;

- Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc toàn thân;

- Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc móng;

- Thực hiện các kỹ thuật trang điểm thẩm mỹ theo đúng tiêu chuẩn;

- Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc chuyên sâu về da;

- Thực hiện các kỹ thuật Massage bấm huyệt;

- Sử dụng đúng, an toàn các loại trang thiết bị, mỹ phẩm của cơ sở làm đẹp;

- Xây dựng được các kế hoạch về tiếp thị dịch vụ;

- Thực hiện công việc hàng ngày và quản lý thời gian làm việc hiệu quả;

- Giải quyết được các yêu cầu và tình huống trong quá trình phục vụ khách;

- Ứng dụng thành thạo ít nhất một phần mềm quản lý cơ sở làm đẹp trong công việc hàng ngày.

- Sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam, ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;

c. Về thái độ và đạo đức nghề nghiệp

- Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm;

- Có ý thức học tập, rèn luyện và nâng cao trình độ chuyên môn;

- Có ý thức trách nhiệm trong việc sử dụng, bảo quản tài sản trong cơ sở làm đẹp;

- Quan tâm, chăm sóc khách hàng với thái độ lịch sự, thân thiện;

- Tuân thủ các quy định về pháp luật trong kinh doanh dịch vụ làm đẹp;

- Tuân thủ các quy định về vệ sinh an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy.

1.2. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Tiếp đón, chăm sóc khách hàng;

- Tư vấn chăm sóc sắc đẹp;

- Chăm sóc da mặt;

- Chăm sóc da toàn thân;

- Chăm sóc chuyên sâu về da;

- Chăm sóc móng;

- Trang điểm;

- Massage bấm huyệt.

2. Khối lượng kiến thức thời gian khóa học

- Số lượng môn học, mô đun: 19

- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 53 tín chỉ, 1410 giờ

- Khối lượng các môn chung/ đại cương: 255 giờ

- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1155 giờ
- Khối lượng lý thuyết, kiểm tra: 357 giờ;
- Khối lượng thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1053 giờ.

3. Nội dung chương trình

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành, thực tập, thí nghiệm, bài tập, thảo luận	Thi, kiểm tra
I	Các môn học chung	12	255	94	148	13
MH01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
MH02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH04	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	2	45	21	21	3
MH05	Tin học	2	45	15	29	1
MH06	Tiếng Anh	4	90	30	56	4
II.	Các môn học/mô đun chuyên môn	41	1155	180	905	70
II.1	Môn học cơ sở	10	225	75	140	10
MĐ07	Kỹ năng giao tiếp	2	45	15	28	2
MĐ08	Khoa học về mỹ phẩm	2	45	15	28	2
MĐ09	Mỹ thuật căn bản	2	45	15	28	2
MĐ10	Giải phẫu sinh lý	2	45	15	28	2
MĐ11	Phòng chống lây nhiễm bệnh qua đường máu và dịch sinh học.	2	45	15	28	2

II.2	Các môn học/mô đun chuyên ngành	26	780	90	640	50
MĐ12	Chăm sóc da cơ bản	4	90	20	60	10
MĐ13	Chăm sóc da nâng cao	3	75	10	55	10
MĐ14	Kỹ thuật vẽ móng cơ bản	5	150	20	120	10
MĐ15	Trang điểm thẩm mỹ	4	90	25	55	10
MĐ16	Kỹ thuật tạo mẫu tóc thời trang	5	150	15	125	10
MĐ17	Thực tập tốt nghiệp	5	225	0	225	0
II.3	Các môn học, mô đun tự chọn	5	150	15	125	10
MĐ18	Massage bấm huyệt trị liệu	5	150	15	125	10
MĐ19	Điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu	5	150	15	125	10
Tổng cộng		53	1410	274	1053	83

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung bắt buộc: Do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

- Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Cơ sở giáo dục nghề nghiệp có thể bố trí cho học sinh tham quan, học tập, tham gia làm việc trực tiếp tại bộ phận bếp trong các nhà hàng, khách sạn, cơ quan, doanh nghiệp và các cơ sở kinh doanh ăn uống.

- Để giáo dục truyền thống, mở rộng nhận thức và văn hóa xã hội có thể bố trí cho học sinh tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương;

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Đi thực tế	Theo thời gian bố trí của giáo viên và theo yêu cầu của môn học, mô đun

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun:

Thời gian tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun cần được xác định và có hướng dẫn cụ thể theo từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo.

4.4. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp:

- Học sinh phải đạt yêu cầu tất cả các môn học, mô đun đào tạo trong chương trình sẽ được dự thi tốt nghiệp để được cấp bằng Trung cấp;

- Thi, xét công nhận tốt nghiệp theo hướng dẫn tại thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành ngày 30 tháng 03 năm 2022 quy định về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy Mô-đun hoặc tín chỉ.

4.5. Các chú ý khác (nếu có):

Sau khi lựa chọn các môn học, môn học tự chọn, các khoa phối hợp với phòng đào tạo có thể sắp xếp lại thứ tự các môn học, môn học trong chương trình đào tạo để thuận lợi cho việc quản lý./.

**HIỆU TRƯỞNG**
ThS. Ngô Văn Cường